

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/DS-ST
Ngày: 30 / 9 / 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;
2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2022/QĐDS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hứa Thị L, sinh năm 1957, địa chỉ: tổ 18, khóm C, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1956, địa chỉ: số 149, tổ 3, khóm T phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà L, ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hứa Thị L trình bày: Vào ngày 21/8/2020, bà L có cho ông H vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay. Từ khi nhận số tiền 300.000.000 đồng, ông H có trả nhiều lần tổng cộng số tiền vốn là 150.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 27/3/2021: trả 50.000.000 đồng, không làm giấy nhận nợ.

- Ngày 22/4/2021: trả 50.000.000 đồng, không làm giấy nhận nợ.

- Ngày 07/12/2021: trả 50.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ do ông H ghi sổ và bà L có ký nhận vào sổ ông H.

Ông H còn nợ lại bà L số tiền vốn 150.000.000 đồng, bà L yêu cầu ông H trả một lần số tiền vốn còn lại và yêu cầu tính lãi suất theo quy định nhà nước trên số tiền vốn 300.000.000 đồng theo giấy nhận nợ từ ngày 21/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ.

Ngày 31/8/2022, bà Hứa Thị L có yêu cầu khởi kiện bổ sung, cho rằng ông H chỉ trả được 50.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/9/2020, yêu cầu ông Lê Ngọc H trả số tiền vốn gốc còn lại là 250.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/9/2020 đến khi xét xử.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc H trình bày: Ông H xác định có vay số tiền 300.000.000 đồng của bà Hứa Thị L, có làm giấy nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay.

Quá trình vay, ông H có trả được 03 lần tiền vốn tổng cộng là 150.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 05/9/2020: trả vốn 50.000.000 đồng, có làm biên nhận.

- Khoảng tháng 3, tháng 4/2021 trả vốn 50.000.000 đồng, không làm biên nhận.

- Ngày 02/11/2021: trả vốn 50.000.000 đồng.

Ông H xác định còn nợ vốn 150.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của bà L vì trong biên nhận nợ không thỏa thuận lãi suất.

Khi bà L có yêu cầu ông H trả vốn vay còn lại 250.000.000 đồng thì ông H xác định đã trả vốn vay được 150.000.000 đồng, còn nợ lại vốn vay 150.000.000 đồng, xác định các lần trả vốn không làm biên nhận, không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của bà L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

* Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 100.000.000 đồng đối với bị đơn. Yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn lại là 150.000.000 đồng, đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/12/2021 cho đến khi xét xử xong. Ngoài ra, xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền vốn 150.000.000 đồng, xin trả dần số nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, đồng ý trả lãi suất cho nguyên đơn từ ngày 07/12/2021 cho đến khi xét xử xong.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 21/8/2020, bà Hứa Thị L có cho ông Lê Ngọc H vay số tiền 300.000.000 đồng, không tính lãi, không thời hạn và có làm giấy nhận nợ. Sau khi vay, ông H trả được 150.000.000 đồng vốn, còn nợ lại 150.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải do Tổ hòa giải Khóm Châu Thới 2 lập ngày 18/02/2022, ông H xin hẹn đến ngày 18/4/2022 sẽ trả dứt nợ, nhưng ông H không thực hiện, nên phát sinh tranh chấp. Ngày 31/8/2022, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vốn gốc còn nợ 150.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21/8/2020 đến khi xét xử.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà L có đơn kiện bổ sung, bà cho rằng ông H còn nợ tổng cộng 250.000.000 đồng và yêu cầu ông H trả.

Bị đơn, ông H thừa nhận còn nợ bà L 150.000.000 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ và xin không tính lãi.

Tại phiên Tòa, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn kiện bổ sung; bà L và ông H thỏa thuận, thống nhất ông H còn nợ bà L 150.000.000 đồng vốn; ông H có trách nhiệm trả cho bà L 150.000.000 đồng vốn và lãi kể từ ngày 07/12/2021 đến nay theo quy định pháp luật là 10%/năm.

Xét, việc giao kết hợp đồng vay nợ giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, do phía ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà L khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên tự nguyện thỏa thuận thống nhất, ông H có trách nhiệm trả cho bà L 150.000.000 đồng vốn và lãi kể từ ngày 07/12/2021.

Xét thấy việc thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Đối với việc ông H xin trả dần, không được bà L chấp nhận, nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với phần bà L tự nguyện rút yêu cầu, sẽ được đình chỉ theo quy định tại Điều 244 BL TTDS.

Từ những cơ sở phân tích trên, Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Điều 244 BL TTDS. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Ngọc H trả cho bà Hứa Thị L số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 07/12/2021; Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn ông Lê Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khóm T phường C, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Thời hiệu khởi kiện:* Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn xác định việc vay tài sản được xác lập theo giấy nhận nợ ngày 21/8/2020. Đến ngày 12/5/2022, nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] *Vốn vay và lãi suất:*

[3.1] *Vốn vay:*

- Đối với yêu cầu trả thêm số tiền vốn vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng phát sinh thêm tại phiên tòa ngày 23/8/2022:

Nguyên đơn cho rằng do phía bị đơn cung cấp biên nhận ngày 05/9/2020, số tiền theo biên nhận này các bên đã giải quyết giao nhận xong nhưng bị đơn vẫn đưa ra để chứng minh việc nguyên đơn có nhận tiền là không chính xác nên tại phiên tòa ngày 23/8/2022 nguyên đơn đã căn cứ vào giấy biên nhận này để yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền vốn vay còn lại tổng cộng là 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 30/9/2022, bị đơn xác định không căn cứ vào biên nhận ngày 05/9/2020 để chứng minh cho việc trả tiền mà cung cấp biên nhận ngày 07/12/2021 để chứng minh cho việc nguyên đơn có nhận tiền và được nguyên đơn thừa nhận nên tại phiên tòa ngày 30/9/2022, nguyên đơn rút lại một

phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền 100.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn còn lại 150.000.000 đồng. Xét, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với số tiền vay còn lại 150.000.000 đồng:

Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 21/8/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng xác định số tiền vay là 300.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay. Thống nhất bị đơn đã trả được tổng cộng 150.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu trả một lần số tiền trên, bị đơn xin trả dần.

Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập, thực hiện trên cơ sở tự nguyện, có lập văn bản, nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2] Lãi suất:

Tại phiên tòa ngày 23/8/2022, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/9/2020 cho đến khi xét xử. Bị đơn không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2022, nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/12/2021 cho đến khi xét xử xong.

Xét, việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc tính lãi từ ngày 07/12/2021 cho đến khi xét xử theo quy định của pháp luật là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định mức lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên cần xác định mức lãi suất là 10%/năm.

Lãi suất được tính như sau: từ 07/12/2021 đến 30/9/2022 là 09 tháng 23 ngày.

$150.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 09 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 12.208.333 \text{ đồng}$ làm tròn số là 12.208.000 (mười hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng.

[3.3] Về trách nhiệm trả nợ: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn vay còn lại và tiền lãi là có căn cứ, xét chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn lãi là 162.208.000 (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] *Về phương thức thanh toán:* Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ để xem xét.

[4] *Về án phí:*

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn sinh năm 1956, được xác định là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại *khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn trả thêm số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi là 162.208.000 (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về án phí:*

Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc